

THỰC TRẠNG SỰ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ - GIAO TIẾP CỦA TRẺ EM 1 ĐẾN 3 TUỔI

PGS.TS. Trương Thị Khánh Hà

Trưởng Khoa Tâm lý học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

ThS. Hoàng Thị Quang

Trường mầm non Đỗ Lễ Mí, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

TÓM TẮT

Bài báo phân tích thực trạng sự phát triển ngôn ngữ - giao tiếp của 185 trẻ em từ 1 đến 3 tuổi và đưa ra các mốc tuổi trẻ có thể nắm vững các khả năng ngôn ngữ cụ thể. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự phát triển ngôn ngữ của nhóm trẻ được khảo sát nhìn chung phù hợp với qui luật phát triển chung cả về sự thông hiểu lời nói và sự phát triển ngôn ngữ nói. Tuy nhiên, khả năng ngôn ngữ của những trẻ khác nhau là rất khác nhau. Môi trường ngôn ngữ ở gia đình và phương pháp giáo dục của người lớn có thể là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em trong 3 năm đầu đời.

Từ khóa: Trẻ em; 1 đến 3 tuổi; Phát triển; Ngôn ngữ - giao tiếp.

Ngày nhận bài: 11/7/2014; Ngày duyệt đăng bài: 25/11/2014.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người. Hiểu một cách chung nhất, ngôn ngữ là quá trình mỗi cá nhân sử dụng một thứ tiếng (tiếng nói) nào đó để giao tiếp.

Có thể chia sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em thành hai giai đoạn: giai đoạn tiền ngôn ngữ và giai đoạn ngôn ngữ chính thức.

- Giai đoạn tiền ngôn ngữ: là thời kỳ đầu tiên trong quá trình học nói của trẻ, từ khi trẻ bắt đầu tỏ ra có nhu cầu giao tiếp với người lớn và phát ra các âm thanh đầu tiên. Trẻ phát ra các âm bập bẹ cùng với các vận động tay chân, hướng ánh mắt về phía người trò chuyện với trẻ. Đó là những phương tiện giao tiếp đầu tiên của trẻ.

- Giai đoạn ngôn ngữ: Từ khi trẻ hiểu và nói được các từ có nghĩa đầu tiên thì ngay lập tức chúng được huy động để đưa vào giao tiếp. Đầu tiên là các câu 1 từ, câu 2 từ, rồi đến các câu 3, 4 từ. Dần dần trẻ sử dụng nhiều từ hơn trong giao tiếp: các giới từ, các từ so sánh, các từ chỉ màu sắc, các từ chỉ chức năng, các cấu trúc ngữ pháp từ đơn giản đến phức tạp hơn. Thời kỳ này thường bắt đầu từ 1 tuổi.

Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ trong những năm đầu diễn ra theo hai hướng chính là: nghe hiểu lời nói của người khác (nghe) và hình thành ngôn ngữ tích cực (nói).

Giai đoạn từ 1 đến 3 tuổi là một quãng thời gian đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển chung của trẻ em. Nhịp độ phát triển của trẻ trong thời kỳ này diễn ra rất nhanh không chỉ về thể chất, mà cả về nhận thức, ngôn ngữ, hành vi xã hội. Nhìn một đứa trẻ 3 tuổi nói năng lưu loát, hoạt bát, luôn tìm tòi khám phá, biết cư xử với mọi người xung quanh, chúng ta thấy nó thật khác xa với chính nó trước đó hai năm - một đứa trẻ 1 tuổi chưa biết nói và đi chưa vững. Nhịp độ phát triển nhanh như vậy không còn thấy được trong những năm tháng về sau.

Ngôn ngữ của trẻ giai đoạn này có sự phát triển mạnh mẽ về cả khả năng thông hiểu lời nói và hình thành ngôn ngữ nói tích cực. Bên cạnh khả năng thông hiểu lời nói ngày càng tốt, vốn từ vựng của trẻ cũng ngày càng được mở rộng, ngữ pháp của câu ngày càng hoàn thiện và khả năng diễn đạt vấn đề ngày càng tốt hơn.

Liệu có phải tự nhiên trẻ có được những khả năng ngôn ngữ đó không, trẻ cần những gì để phát triển ngôn ngữ tốt đẹp, gia đình đã tạo những điều kiện tốt nhất cho sự phát triển ngôn ngữ của các em chưa. Để tìm hiểu vấn đề này, trước hết chúng tôi nghiên cứu thực trạng sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em từ 1 đến 3 tuổi. Tiếp theo chúng tôi sẽ tìm hiểu cách thức cũng như quá trình nuôi dạy trẻ ở gia đình của những trẻ có sự phát triển ngôn ngữ tốt và chưa tốt để xem có mối liên hệ nào giữa cách nuôi dạy và sự phát triển ngôn ngữ của trẻ hay không.

2. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

Thang đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ từ 1 đến 3 tuổi được xây dựng dựa trên việc chọn lọc các mệnh đề về ngôn ngữ - giao tiếp từ các thang đánh giá khác nhau: thang do do Burton L. White sử dụng trong nghiên cứu sự phát triển tâm lý trẻ em 1 - 3 tuổi (Burton L. White, 1990), trắc nghiệm Denver II, thang do Brunet - Lézine (dẫn theo Nguyễn Thị Ánh Tuyết, 2003). Sau khi được lựa chọn, thang do có hệ thống gồm 45 mệnh đề, mô tả khá chi tiết những khả năng ngôn ngữ - giao tiếp của trẻ trong giai đoạn từ 1 đến 3 tuổi.

Chúng tôi tổ chức các tình huống giao tiếp thông qua các hoạt động phù hợp với trẻ, nhằm quan sát và đánh giá khả năng ngôn ngữ - giao tiếp của các em ở từng biểu hiện theo 3 mức: *Biểu hiện rõ/Biết thành thạo* (1 điểm); *Có biểu hiện nhưng không rõ/Biết chưa thành thạo* (2 điểm); *Không có biểu hiện/Chưa biết* (3 điểm).

Sau khi điều tra thử, một số mệnh đề đã được chỉnh sửa cách diễn đạt và loại 7 mệnh đề không phù hợp. Cuối cùng, thang đánh giá còn lại 38 mệnh đề, với hệ số Alpha của Cronbach là 0,912. Hệ số tương quan Pearson giữa điểm của mỗi mệnh đề với tổng số điểm của các mệnh đề còn lại (corrected item-total correlation) khá cao, biến thiên từ 0,350 đến 0,901.

Ngoài ra, bảng hỏi và bảng phỏng vấn sâu dành cho cha mẹ cũng được thiết kế nhằm tìm hiểu một số thông tin về cách nuôi dạy con và các hoạt động thường ngày của trẻ.

Khách thể là 185 trẻ em từ 12 tháng đến 37 tháng tuổi (92 nam, 93 nữ) đang học tại các trường mầm non trên địa bàn Hà Nội (Trường mầm non tư thục Hoa Thủy Tiên, Trường mầm non tư thục BabyStar, Trường mầm non công lập Mùa Xuân, Trường mầm non tư thục Ánh Sao, Trường mầm non Đỗ Rê Mí, Trường Jerry House, Trường mầm non Vườn Tài Năng) và 146 cha mẹ của các em (chúng tôi gửi bảng hỏi cho tất cả các bậc cha mẹ nhưng chỉ thu lại được 146 phiếu).

3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả quan sát các thành tựu phát triển ngôn ngữ - giao tiếp của trẻ cho thấy, nhìn chung, trẻ có khả năng ngôn ngữ - giao tiếp phù hợp với qui luật phát triển theo độ tuổi. Những thành tựu đơn giản đạt được ở độ tuổi nhỏ hơn (từ 12 đến 24 tháng tuổi), các thành tựu phức tạp đạt được ở độ tuổi lớn hơn (từ 25 đến 36 tháng tuổi).

Bảng 1: Các thành tựu phát triển ngôn ngữ - giao tiếp của trẻ

TT	Những biểu hiện	Không có biểu hiện	Có biểu hiện nhưng không rõ	Biểu hiện rõ
1	Chú ý lắng nghe lời nói. Hiểu được những hướng dẫn (chỉ dẫn) đầu tiên. Ví dụ: Bì vẫy tay tạm biệt đi, Bì khoanh tay "à" đi, Con làm xấu đi, Bì ôm mẹ nào, Con hôn gió đi...			≥ 12 tháng
2	Hiểu được khoảng vài chục từ và 1 vài cụm từ. Ví dụ: ăn cơm, uống nước, đi chơi, đá bóng, mẹ bế, đi ô tô...		12 - 13 tháng	≥ 13 tháng

3	Nói được những từ đầu tiên. Ví dụ: bà, mẹ, bố, ăn, uống, chơi, đi, cốc, bóng...		12 - 14 tháng	≥ 14 tháng
4	Chỉ tay các hình ảnh, đồ vật, người quen, con vật hoặc bộ phận cơ thể mà người khác gọi tên	< 14 tháng	14 - 18 tháng	≥ 18 tháng
5	Hát và đọc thơ vượt đuôi theo 1 - 2 từ cuối	< 17 tháng	17 - 22 tháng	≥ 23 tháng
6	Gọi tên được các hình ảnh, đồ vật, con vật hoặc bộ phận cơ thể quen thuộc	< 18 tháng	18 - 23 tháng	≥ 24 tháng
7	Nói được câu có vài từ và nói được những yêu cầu đơn giản. Ví dụ: ăn cơm, uống nước, đi chơi, mẹ bế...	< 16 tháng	16 - 24 tháng	≥ 25 tháng
8	Hiểu được 1 vài đại từ và tính từ sở hữu: tôi, bạn, của tôi, của con, của mẹ...	< 16 tháng	16 - 24 tháng	≥ 25 tháng
9	Thích trò chuyện, nghe đọc truyện, kể chuyện.	< 14 tháng	14 - 24 tháng	≥ 25 tháng
10	Biết lựa chọn khi người lớn hỏi "cái này hay cái kia"? Ví dụ: "Con ăn bánh hay ăn bim bim" → "Con ăn bim bim ạ"	< 18 tháng	18 - 24 tháng	≥ 25 tháng
11	Sử dụng từ "không". Ví dụ: - "Con có ăn cơm không?" → "không", "Con uống sữa đi" → "không"...	< 18 tháng	18 - 24 tháng	≥ 25 tháng
12	Thích chơi, nói chuyện với các trẻ em khác	< 17 tháng	17 - 24 tháng	≥ 25 tháng
13	Nói được những câu khoảng 3 - 4 từ trở lên	< 18 tháng	18 - 24 tháng	≥ 25 tháng
14	Xưng tên mình khi nói chuyện với người khác. Ví dụ: mẹ mua ô tô cho Bim đấy, mũ của Bim mà, Bim đang chơi với búp bê...	< 22 tháng	22 - 24 tháng	≥ 25 tháng
15	Hiểu và thực hiện được các yêu cầu gồm từ 2 hành động trở lên của người lớn. Ví dụ: Con lấy cốc đặt lên bàn cho cô (Hoạt động 1: lấy cốc; Hoạt động 2: đặt lên bàn)	< 20 tháng	20 - 28 tháng	≥ 28 tháng
16	Sử dụng được các đại từ sở hữu như: "của bạn Nam", "của anh Tuấn"...	< 22 tháng	22 - 28 tháng	≥ 29 tháng
17	Sử dụng được từ để hỏi "Cái gì?", "Con gì?" và một vài từ để hỏi khác. Ví dụ: Cái gì đây? Con gì đây? ..	< 19 tháng	19 - 29 tháng	≥ 30 tháng
18	Nói một mình, không hướng vào ai khi chơi cùng với các bạn và ngay cả khi chơi một mình (ngôn ngữ tự kỷ). Ví dụ: mình sẽ cho	< 22 tháng	22 - 30 tháng	≥ 30 tháng

	búp bê uống sữa, búp bê đi ngủ thôi, mình sẽ xây nhà 3 tầng, đổ mái rồi...			
19	Thuộc một số bài thơ và hát được một số bài hát	< 21 tháng	21 - 29 tháng	≥ 30 tháng
20	Nói được ra yêu cầu của mình bằng các cụm từ hoặc câu. Ví dụ: con muốn uống nước, mẹ mua bim bim cho con...	< 21 tháng	21 - 29 tháng	≥ 30 tháng
21	Hiểu được 1 vài giới từ (từ chỉ vị trí): trong, ngoài, trên, dưới. Ví dụ: mẹ ngoài sân, cốc trên bàn, bóng trong rổ...	< 18 tháng	18 - 30 tháng	≥ 31 tháng
22	Nói những câu dài khoảng 6 - 7 từ trở lên	< 22 tháng	22 - 30 tháng	≥ 31 tháng
23	Nói được các câu sở hữu phức tạp. Ví dụ: đây là mũ của bố Sơn, quyển sách của bạn Bim đấy...	< 22 tháng	22 - 30 tháng	≥ 31 tháng
24	Kể lại được những sự kiện mới xảy ra	< 22 tháng	22 - 31 tháng	≥ 32 tháng
25	Sử dụng được các cụm từ hoặc câu phủ định. Ví dụ: không ăn chuối đầu, không thích búp bê, tớ không chơi với cậu nữa	< 22 tháng	22 - 31 tháng	≥ 32 tháng
26	Nói được công dụng và đặc điểm cơ bản của đồ vật	< 22 tháng	22 - 31 tháng	≥ 32 tháng
27	Hiểu được một số khái niệm nhân - quả đơn giản. Ví dụ: rơi thì vỡ, đổ nước thì ướt, nóng thì bỏng, ngã thì đau...	< 21 tháng	21 - 35 tháng	≥ 35 tháng
28	Biết tuân theo những qui tắc chơi, biết một số chuẩn mực văn hóa xã hội đơn giản. Ví dụ: không được đánh bạn, phải biết chia sẻ với bạn, không được khóc nhè...	< 23 tháng	23 - 35 tháng	≥ 36 tháng
29	Hiểu được hầu hết các câu nói của người lớn	< 18 tháng	18 - 35 tháng	≥ 36 tháng
30	Sử dụng được các từ chỉ màu sắc. Ví dụ: quả bóng màu vàng, cái ghế màu xanh.	< 24 tháng	24 - 35 tháng	≥ 36 tháng
31	Hiểu và thực hiện được các yêu cầu gồm 3 hành động của người lớn. Ví dụ: - Con lấy cốc rót nước đưa cho mẹ nào (Hoạt động 1: Con ra lấy cái cốc; Hoạt động 2: rót nước; Hoạt động 3: mang lại cho mẹ) - Con lấy khăn lau mặt rồi bỏ nó vào chậu	< 23 tháng	23 - 35 tháng	≥ 36 tháng
32	Hiểu các từ được kết hợp theo cùng một chức năng (quần, áo thì để mặc; giấy, bút, màu thì để vẽ...)	< 27 tháng	27 - 35 tháng	≥ 36 tháng

33	Thực hiện đúng yêu cầu phức tạp với 2 danh từ và 2 tính từ. Ví dụ: Con nhặt quả bóng màu đỏ và bỏ vào cái giỏ màu vàng	< 26 tháng	26 - 35 tháng	≥ 36 tháng
34	Bắt chước, đóng vai một nhân vật nào đó và nói một vài từ như nhân vật đó. Ví dụ: Ta là siêu nhân đây, ta là anh hùng trái đất đây, tớ là rồ bốt trái cây...	< 27 tháng	27 - 35 tháng	≥ 36 tháng
35	Có thể so sánh đơn giản (to hơn, nhiều hơn, ít hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn). Ví dụ: tớ có ít bi hơn Thỏ, bút màu của tớ dài hơn...	< 30 tháng	31 - 38 tháng	
36	Sử dụng các giới từ (chỉ vị trí): ở trên, ở dưới, đằng trước, đằng sau... Ví dụ: - Con đứng đằng trước, còn bạn Bim đứng đằng sau	< 32 tháng	32 - 38 tháng	
37	Bắt đầu sử dụng các từ diễn đạt thời gian như: lúc này, hôm qua, buổi sáng, buổi tối...	< 32 tháng	32 - 38 tháng	
38	Kể những sự kiện mới xảy ra (lưu ý trật tự thời gian của các sự kiện). Ví dụ: Lúc này, con chơi xe lắc; sau đó thì chơi nhà bóng	< 34 tháng	34 - 38 tháng	

Nhìn vào bảng kết quả trên, có thể thấy những khả năng ngôn ngữ giao tiếp của trẻ rất khác nhau ở những trẻ khác nhau. Nhiều trẻ có khả năng ngôn ngữ tốt hơn các trẻ khác trong cùng giai đoạn lứa tuổi. Cùng một độ tuổi nhưng có trẻ nói mạch lạc hơn, trong khi nhiều trẻ khác lại chậm nói hơn. Đôi khi, có những trẻ bé lại có thể nói tốt hơn so với những trẻ lớn hơn theo tháng tuổi.

Chính vì thế, khoảng thời gian mà đa số trẻ em biết nhưng chưa thành thạo một khả năng ngôn ngữ nào đó thường kéo dài khoảng thời gian từ 6 tháng đến 1 năm. Điều này có nghĩa là trẻ em nắm được các khả năng ngôn ngữ nào đó sớm hơn hay muộn hơn nhau từ 6 tháng đến 1 năm (có khi còn chênh nhau nhiều hơn nữa). Tuy vậy, cũng có thể mô tả một cách tương đối khái quát thực trạng các mốc phát triển một số khả năng ngôn ngữ của trẻ từ 1 đến 3 tuổi trong nhóm khảo sát như sau:

1 tuổi

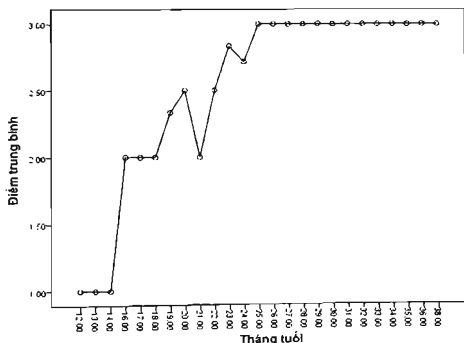
Từ trước 1 tuổi, trẻ đã hiểu được những từ đầu tiên như: bố, mẹ, bé... và đến khoảng 1 tuổi trẻ đã thực hiện được một số hành động đơn giản theo những hướng dẫn đầu tiên như: vẫy tay đi, tạm biệt đi, hôn gió đi, làm xấu đi... Tuy nhiên, trẻ chỉ hiểu và thực hiện được những chỉ dẫn này khi người lớn vừa nói vừa làm động tác gắn liền với hoàn cảnh cụ thể. Lúc này, trẻ không chỉ được nghe người lớn nói mà cần phải được thấy người lớn hành động cụ thể thì mới bắt chước làm theo được. Ví dụ: bé B.Ng. (12 tháng tuổi) khi được yêu cầu “*Con vẫy tay tạm biệt đi*” thì chưa biết thực hiện; nhưng khi thấy mẹ giơ tay

vẫy chào tạm biệt và nói “*Con vẫy tay tạm biệt đi*” thì bé biết bắt chước đưa tay lên vẫy tay tạm biệt.

Bên cạnh đó, trẻ ở tuổi này cũng bắt đầu bi bô nói những từ đầu tiên như: bà, mẹ, bóng... Tuy nhiên, những từ này chưa được trẻ nói một cách chủ động mà chủ yếu là bắt chước và nhại lời người lớn nói trong những tình huống cụ thể.

1 tuổi rưỡi

Từ 1 tuổi rưỡi, trẻ có khả năng hiểu được nhiều từ hơn và bắt đầu có khả năng hiểu lời nói tách khỏi tình huống cụ thể. Lúc này, trẻ biết được tên của nhiều đồ vật, nhiều hành động. Trẻ có thể chỉ tay vào các hình ảnh, đồ vật, người quen khi người khác gọi tên và có thể thực hiện được những chỉ dẫn đơn giản bằng lời nói của người lớn. Lúc này, người lớn chỉ cần hướng dẫn trẻ bằng lời nói và có thể kết hợp với một số biểu hiện, cử chỉ mang tính phụ họa cho trẻ hiểu chứ không cần trực tiếp hành động cho trẻ làm theo. Ví dụ: khi cô yêu cầu “*Con lấy cái khăn cho cô*” và ra hiệu chỉ tay về phía cái khăn thì bé Ng.M. (18 tháng tuổi) và bé G.B. (19 tháng tuổi) đã có thể chạy lại lấy khăn đưa cho cô. Khi cô nói “*Các con nhặt đồ chơi bỏ vào giỏ*” hoặc là “*Cái đồ chơi đi*” thì các bé G.H., H.M, T.M. (22 tháng tuổi) đã có thể thực hiện được những yêu cầu này.



ĐTB được tính trên thang 3 điểm: Chưa biết: 1 điểm; Biết chưa thành thạo: 2 điểm; Biết thành thạo: 3 điểm.

Biểu đồ 1: Khả năng nói được câu có vài từ và nói được những yêu cầu đơn giản

Cùng với sự phát triển của khả năng thông hiểu lời nói thì số lượng từ vựng của trẻ giai đoạn này cũng có sự phát triển rõ rệt. Trẻ không chỉ luôn luôn muốn biết được tên các đồ vật mà còn cố gắng phát âm các từ để gọi tên các đồ vật đó. Càng ngày, trẻ càng tích cực nói và gọi tên nhiều đồ vật hơn. Lúc đầu, trẻ bắt chước gọi theo người lớn, sau đó trẻ dần dần chủ động hơn. Bên cạnh số lượng từ ngày càng mở rộng thì trẻ giai đoạn này cũng nói được những từ đơn, từ ba như: *quả bóng, cái chổi, ba lô, bút chì, xem ti vi*. Trẻ ở giai đoạn này cũng biết nói ra những mong muốn, yêu cầu đơn giản của mình. Ban đầu, những mong muốn, yêu cầu đó được đưa ra chỉ với 1 từ (với cấu trúc câu 1 từ) như: ăn, uống, đi, chơi...; sau đó là câu 2 - 3 từ.

Ví dụ: bé Ng.M. (18 tháng tuổi) rất thích thú chỉ trỏ và bắt chước người lớn gọi tên đồ vật như: mũ, bát, cốc, bút, gối, cam, táo...; bé nói được những câu 2 - 3 từ và biết nói ra yêu cầu, mong muốn của mình. Ví dụ, bé chỉ vào nước canh và nói "*Nước canh*" (có nghĩa là con muốn uống nước canh); khi bị bạn Minh chặn cửa không cho vào thì bé nói "*Minh hư*"; thấy trời mưa thì bé đòi "*Xem trời mưa*"

Trẻ cũng bắt đầu biết hát và đọc thơ vuoít đuôi; biết mách chuyện và bắt đầu biết đặt câu hỏi tuy chưa thành thạo và chưa thường xuyên. Ví dụ: Bé Th.A. (20 tháng tuổi) tỏ ra thích thú và đã chủ động hơn khi gọi tên các đồ vật xung quanh. Bé đã nói được những câu từ 3 - 4 từ. Ví dụ, khi bị bạn trêu, bé chạy lại chỗ cô giáo và mách "*Cô ơi, Đức trêu*"; bé thỉnh thoảng đặt câu hỏi như: "*Cái gì đấy?*", "*Cô Lâm đâu rồi?*"...

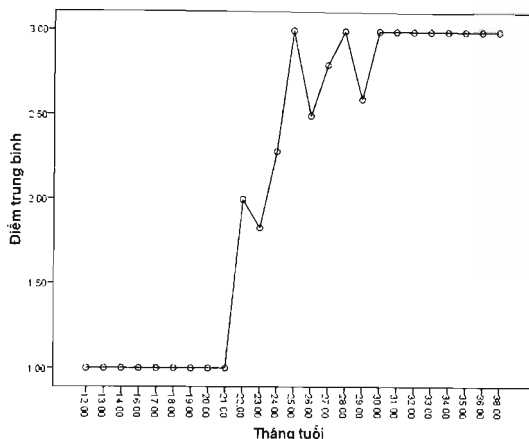
2 tuổi

Lên 2 tuổi, khả năng thông hiểu lời nói của trẻ phát triển mạnh mẽ. Trẻ thời kì này hiểu lời nói không cần gắn với hoàn cảnh cụ thể. Điều này được thể hiện rõ nét ở việc trẻ có thể thực hiện các yêu cầu và hành động theo lời nói của người lớn. Trẻ từ 2 tuổi trở đi có thể thực hiện được những yêu cầu gồm 2 hành động trở lên của người lớn mà không cần có hành động hướng dẫn cụ thể. Ví dụ, khi cô giáo yêu cầu: "*Con nhặt quả bóng và bỏ vào giỏ cho cô*" hoặc là "*Con ra lấy khăn và lau mặt sạch sẽ nhé*" thì các bé G.B., Đ.Kh., B.A. (24 tháng tuổi), L.Kh. (25 tháng tuổi) đều thực hiện được. Các bé G.Ph. (26 tháng tuổi), Ch.A., M.Ph. (28 tháng tuổi) còn biết thực hiện những yêu cầu gồm 3 hành động của cô như: "*Con ra lấy cốc, rót nước và mời cô Lan uống nước*", "*Con mở tủ, lấy ba lô và đem lại đây cho cô*"...

Ở tuổi này, trẻ có vốn từ vựng ngày càng phong phú và có thể chủ động gọi tên được nhiều hình ảnh, đồ vật, con vật xung quanh. Trẻ nói thành thạo những câu từ 3 - 4 từ trở lên.

Lúc này, trẻ đã biết cái này, cái kia và của người này, của người kia nên các đại từ sở hữu được sử dụng thường xuyên. Chẳng hạn như: bé L.Gi. (23

tháng tuổi) đã biết nói “Giày của anh Bin”, “Túi xách của cô Trang”, “Ba lô của bạn Vinh”... Khi được cô giáo hỏi về những đồ vật đó. Trẻ cũng hay xưng tên mình khi nói chuyện, chẳng hạn như: “Ô tô của Tôm đấy”, “Ghép hình của Khôi mà”, “Quá bóng của Khuê”...



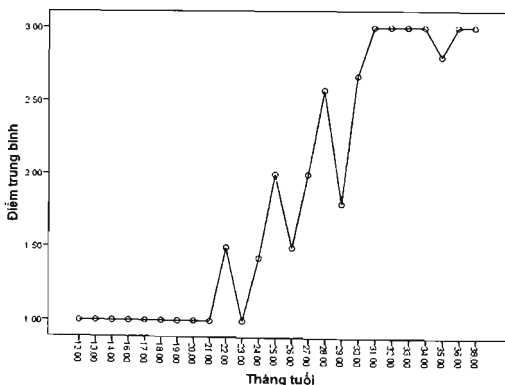
DTB được tính trên thang 3 điểm: Chưa biết: 1 điểm; Biết chưa thành thạo: 2 điểm; Biết thành thạo: 3 điểm.

Biểu đồ 2: Khả năng sử dụng được các đại từ sở hữu

Lúc này, cùng với sự phát triển của vốn từ và nhu cầu tìm hiểu, khám phá thế giới, trẻ rất hay đặt ra các câu hỏi “Cái gì đấy?”, “Con gì kia?” và đòi hỏi người lớn phải giải đáp cho mình. Trẻ khá thích thú khi được người lớn giải đáp các câu hỏi cũng như khi gọi tên được các sự vật và hiện tượng xung quanh. Và, chính sự giải đáp dễ hiểu, thú vị của người lớn lại có tác dụng kích thích trẻ khám phá, tìm hiểu mọi thứ xung quanh nhiều hơn. Đôi khi, trẻ đặt câu hỏi không phải vì trẻ không biết về vật đó mà chỉ là để thỏa mãn sự thích thú khi được chỉ trỏ và nói chuyện về những đồ vật đó. Ví dụ như: bé T.M. (22 tháng tuổi) chỉ vào bông hoa và hỏi “Cái gì đấy?”, khi cô giáo trả lời là “Quá bóng” thì bé nói lại “Bóng hoa mà”

Tuổi lên 2 được xem là thời kì phát cảm ngôn ngữ của trẻ. Trẻ giai đoạn này nói nhiều, hỏi nhiều và tỏ ra thích thú với việc đó. Đối với trẻ, mọi sự vật hiện tượng trong cuộc sống đều mới lạ, hấp dẫn và đều cần được gọi tên. Trẻ thích thú khi gọi tên được các sự vật hiện tượng cũng như diễn đạt chúng. Tuy nhiên, do vốn từ chưa thực sự phong phú và chưa nắm vững được ngữ pháp nên việc diễn đạt của trẻ nhiều khi chưa theo trật tự câu mà có hiện tượng nói ngược. Chẳng hạn như: bé L.M. (23 tháng tuổi) khi đòi đi ô tô thì nói: “Ô tô đi”; khi thấy con mèo làm rơi đồ chơi từ trên bàn xuống thì bé nói: “Rơi, mèo rơi”; cái ghế bị đổ thì bé nói: “Đổ, ghế rơi”... Có thể nói đây là một loại cú pháp riêng của trẻ phù hợp với vốn từ và khả năng diễn đạt của bé - một cú pháp riêng khác với người lớn. Nó thường gắn liền với quá trình tri giác của trẻ hoặc gắn với mong muốn tức thời của trẻ. Chính vì vậy mà những gì mà trẻ thấy trước thường được trẻ nói trước (ở ví dụ trên thì trẻ thấy hành động rơi trước rồi mới nhìn thấy con mèo); và những gì mà trẻ thích hoặc thấy cần thiết thì sẽ được đặt lên trước (ở ví dụ trên thì trẻ thích cái ô tô nên ô tô được đặt lên trước khi nói).

2 tuổi rưỡi



ĐTB được tính trên thang 3 điểm: Chưa biết: 1 điểm; Biết chưa thành thạo: 2 điểm; Biết thành thạo: 3 điểm.

Biểu đồ 3: Khả năng nói được những câu dài từ 6 - 7 từ trở lên của trẻ theo tháng tuổi

Từ 2 tuổi rưỡi, ngôn ngữ tích cực của trẻ phát triển mạnh mẽ. Trẻ rất thích nói và hỏi luôn mỗi suốt ngày. Nếu như trước đó trẻ đã bắt đầu biết hỏi và thỉnh thoảng đặt ra những câu hỏi như "*Cái gì đấy?*", "*Con gì kia?*" thì nay trẻ hỏi nhiều hơn, thường xuyên hơn với những câu hỏi phong phú hơn như: "*Cô làm gì đấy?*", "*Bạn ăn gì đấy?*"... Ví dụ: bé H.M. (29 tháng tuổi) rất hay đặt câu hỏi như: "*Cô đi đâu đấy?*" khi thấy cô giáo đứng dậy đi hoặc khi bé thấy cô nói chuyện điện thoại thì bé hỏi "*Ai gọi cô đấy?*"; thấy cô giáo vẽ thì bé hỏi "*Cô vẽ gì đấy?*"; khi cô cho bé ăn cháo và uống sữa thì bé lại hỏi "*Uống sữa gì đấy cô?*", "*Ăn cháo gì đấy?*"...

Lúc này, trẻ đã nói được những câu dài từ 6 - 7 từ trở lên, việc sử dụng các hình thức ngữ pháp của tiếng mẹ đẻ cũng đã đạt tới một bước tiến bộ đáng kể. Trẻ nói thạo các câu đơn giản như: "*Mẹ Ly mua gấu cho con*", "*Các bạn ăn xong hết rồi*", "*Con vẽ bóng bay đấy*"... Trẻ lúc này có thể nói những câu sở hữu phức tạp như: "*Đây là gấu của bạn Hà*", "*Ba lô của bạn Minh màu xanh*"... Trẻ có thể nói được ra yêu cầu của mình bằng các cụm từ hoặc câu như: *con muốn uống nước, con muốn đi chơi, mẹ mua bim bim cho con*... Trẻ biết sử dụng các cụm từ hoặc câu phủ định khi nói chuyện. Ví dụ: *không ăn chuối đâu, không thích búp bê, con không uống thuốc*...

Trẻ ở độ tuổi này có thể nói về chức năng của một số đồ vật tuy chưa thành thạo và đầy đủ như: *ô để che, mũ để đội, thìa để xúc, cốc để uống*... Trong quá trình quan sát và hỏi chuyện chúng tôi thấy có điều thú vị là: có một số trẻ lẫn lộn giữa tên gọi của đồ vật với chức năng của nó; hay nói cách khác là trẻ lấy chức năng của đồ vật để gọi tên cho đồ vật đó. Ví dụ: bé A.T. (29 tháng tuổi) chỉ cái thìa và nói "*Cái để xúc*", với cái ấm nước thì bé lại nói là "*Cái để nấu nước tắm*", với quả cam thì bé nói là "*Nước cam*"; bé H.D. (33 tháng tuổi) thì chỉ móc áo và nói "*Cái để phơi quần áo*"... Như vậy, trẻ thường gắn vật với những chức năng của nó và với những hoạt động quen thuộc với trẻ; theo đó trẻ cũng gọi tên đồ vật theo những đặc điểm đó. Và cụ thể ở đây là trẻ thấy bố mẹ dùng ấm nước để nấu nước tắm cho trẻ nên gọi cái ấm là *cái để nấu nước tắm*, bố mẹ thường vắt nước cam cho trẻ uống thay vì bóc cam cho trẻ ăn nên trẻ gọi quả cam là *nước cam*, trẻ thấy bố mẹ dùng móc treo quần áo để phơi nên gọi cái móc áo là *cái để phơi quần áo*...

3 tuổi

Lên ba tuổi, trẻ nói được những câu phức tạp hơn. Trẻ kể lại được những sự kiện mới xảy ra một cách rõ ràng; có thể kể lại chuyện gì đó và giải thích những mối quan hệ nhân - quả đơn giản như: "*Bạn bị ngã vì bạn ngồi ghế trơn*", "*Tại cháo nóng nên miệng con bị bỏng*", "*Bạn Bim tè dầm nên bị ướt quần*"... Chẳng hạn, bé Q.B. (34 tháng tuổi) khi thấy bạn khóc thì mách cô "*Cô ơi, bạn Titi khóc*" và khi cô hỏi vì sao bạn khóc thì bé trả lời là "*Bạn khóc vì bị*

bạn Bim đấy ngã"...; bé H.Ph. (35 tháng tuổi) thấy cô giáo ăn kẹo thì nói "*Cô Hân ơi, sâu răng đấy. Chỉ ăn kẹo buổi sáng thôi, không được ăn buổi tối*"...

Bên cạnh việc tiếp tục đặt ra những câu hỏi phong phú hơn về những sự vật hiện tượng xung quanh, trẻ ở độ tuổi này biết đặt những câu hỏi nghi vấn như: "*Bim uống sữa à?*", "*Xe ô tô của Beo à?*"... Những câu hỏi nghi vấn thường được đặt cùng với sự quan tâm của trẻ với đối tượng, với sự nghi vấn, đôi khi chỉ để thỏa mãn nhu cầu giao tiếp và khẳng định vấn đề. Ví dụ như: bé Ch.A. (28 tháng tuổi) khi thấy cô nhỏ thuốc cho bạn thì hỏi "*Bin làm gì đấy? Bin nhỏ thuốc à?*" (đối tượng mà bé quan tâm đến là bạn Bin); bé Ph.A. (31 tháng tuổi) trong bữa ăn với cả cơm và cháo thì bé hỏi cô giáo là "*Ăn gì đấy? Ăn cháo à?*" (bé hỏi xem mình được ăn gì); bé U.N. (33 tháng tuổi) mặc dù biết cô pha sữa cho bạn Ph. nhưng vẫn hỏi "*Cô pha sữa cho Phong à?*"...

Lúc này, trẻ đã có thể gọi tên, nói được chức năng và đặc điểm cơ bản của nhiều đồ vật hơn và rõ ràng hơn. Chức năng của vật được trẻ nhắc đến ở đây thường gắn liền với những hoạt động hàng ngày, những hoạt động mà trẻ thấy nhiều nhất. Chẳng hạn như: *cốc để uống nước cam* (đối với những trẻ hay uống nước cam); hoặc *cốc để uống sữa* (đối với những trẻ thường xuyên uống sữa bằng cốc). Đặc điểm của đồ vật được trẻ độ tuổi này nhắc đến chủ yếu là màu sắc, hình dạng. Chẳng hạn như: *cái cốc màu vàng, quả na màu xanh, quả bóng hình tròn, cái bàn hình chữ nhật*... Ngoài ra, có một số trẻ có thể miêu tả những đặc điểm khác như: kích thước, chất liệu, mùi vị. Ví dụ: bé Kh.A. (35 tháng tuổi) nói "*Quả bóng hình tròn to, quả trứng hình tròn nhỏ*", "*Quả táo có màu đỏ, vị ngọt*"... Tuy nhiên, trẻ chưa chủ động giới thiệu một cách đầy đủ, cụ thể về chức năng, đặc điểm của các đồ vật mà thường trả lời thông qua các câu hỏi của người lớn. Vì vậy, để kích thích trẻ nói thì người lớn cần nói chuyện và hỏi chuyện trẻ nhiều hơn.

Trẻ ở độ tuổi này thường hay bắt chước, đóng vai một nhân vật nào đó và nói một vài từ như nhân vật đó. Những nhân vật mà trẻ bắt chước thường là những nhân vật trong truyện và phim ảnh mà trẻ hay xem. Ví dụ: bé Q.B. (34 tháng tuổi) luôn tự xưng mình là *rô bốt trái cây*; bé S.H. (36 tháng tuổi) lúc nào cũng khua tay chân và nói "*Ta là siêu nhân đây*"...

Cùng với khả năng ngôn ngữ phát triển mạnh (về cả vốn từ và ngữ pháp diễn đạt), nhu cầu giao tiếp của trẻ ngày càng mở rộng. Ở độ tuổi này rất thích chơi và nói chuyện với các trẻ khác. Lúc này, các trẻ chủ yếu là nói chuyện và trao đổi khi chơi chung. Cuối tuổi này cũng có một số trẻ bắt đầu biết chơi đóng vai và cùng nhau chơi đóng vai về gia đình, bác sỹ... Ví dụ như: nhóm trẻ Kh.A. (35 tháng tuổi), M.T. (31 tháng tuổi) và các bạn cùng chơi trò gia đình trong đó Kh.A. xưng là mẹ béo và T.M. là con. Kh.A. giả vờ đi chợ và nói "*Mẹ đi chợ mua đồ nấu ăn*"; sau khi giả vờ ăn xong thì nói: "*Mẹ béo ăn*"

xong rồi. Con ăn xong chưa?". Cũng tương tự như vậy, nhóm trẻ Ng.L. (35 tháng tuổi), S.H. (36 tháng tuổi) và Q.B. (34 tháng tuổi) thường cùng nhau chơi trò gia đình trong đó bé Ng.L. xưng là mẹ, bé S.. là bố, còn bé Q.B. xưng là con. Các bé giả vờ đi chợ, nấu ăn và ăn cơm.

Trẻ lên ba đã có thể thông hiểu được hầu hết những lời nói của người lớn. Điều này được thể hiện thông qua những phản hồi trong giao tiếp của trẻ và những hành động của trẻ theo yêu cầu của người lớn. Lúc này, trẻ cũng đã biết một số chuẩn mực văn hóa xã hội đơn giản và biết tuân theo những qui tắc chơi như: không được đánh bạn, phải biết chia sẻ với bạn, không được khóc nhè...

Bên cạnh những khái quát chung, chúng tôi cũng lưu ý tới sự phát triển ngôn ngữ rất không đồng đều ở một số trẻ

Ví dụ như: các bé T. M, H.M. (22 tháng tuổi), bé L.G. (23 tháng tuổi), bé G.P. (26 tháng tuổi)... có khả năng ngôn ngữ rất tốt. Các bé hiểu và thực hiện được hành động theo yêu cầu của người lớn; nói được những câu dài khoảng 6 - 7 từ trở lên; các bé hát, đọc thơ và bắt chước kể chuyện; thường xuyên đặt các câu hỏi; gọi tên đồ vật và miêu tả được 1 số đặc điểm hình dạng và màu sắc đơn giản, cũng như nói được chức năng đơn giản của các đồ vật quen thuộc xung quanh... Trong khi đó, các bé A.M. và G.P. (29 tháng tuổi) thì mới chỉ nói được những câu từ 2 - 3 từ, chủ yếu là gọi tên đồ vật và thể hiện nhu cầu của bản thân như: ăn cơm, uống nước, đi chơi, nằm ngủ... chứ chưa biết miêu tả đặc điểm, chức năng của đồ vật; chưa biết diễn đạt đầy đủ yêu cầu, mong muốn của mình; chưa biết đặt các câu hỏi; khả năng hiểu và thực hiện theo yêu cầu chưa tốt... Các bé Th.T. (21 tháng), N.Q. (21 tháng) thậm chí còn chưa biết nói và khả năng thông hiểu lời nói của các em còn kém.

Để làm rõ hơn sự quan tâm của cha mẹ đến việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ, chúng tôi đã phỏng vấn sâu cha mẹ của những trường hợp trẻ nói tốt và trẻ nói chưa tốt. Với câu hỏi: *"Anh/chị dành bao nhiêu thời gian một ngày để chơi, trò chuyện và dạy con phát triển nhận thức và ngôn ngữ?"*, chúng tôi thu được một số ý kiến như sau:

"Từ 1 - 3 tuổi là giai đoạn vàng cho sự phát triển của trẻ nên chúng tôi rất quan tâm và dành nhiều thời gian để chơi, nói chuyện và dạy dỗ các cháu. Bản thân các bé nhà mình rất hay tò mò, thích khám phá nên phải luôn có người chơi cùng. May mắn là chúng tôi làm việc cho công ty gia đình nên có nhiều thời gian dành cho các cháu. Hơn nữa, ngoài bố mẹ thì các cháu còn có ông bà thường xuyên chơi cùng" (mẹ bé T.M., 22 tháng tuổi, khả năng ngôn ngữ rất tốt).

"Chúng tôi đi làm cả ngày nên bé được gửi đi nhà trẻ. Buổi chiều, ông bà đón và đưa cháu đi chơi xung quanh. Buổi tối, chúng tôi cố gắng sắp xếp công việc để dành thời gian chơi và nói chuyện với cháu. Tôi hay đọc thơ, kể chuyện

và chỉ cho bé biết cái này, cái kia nên cháu nhận biết và nói khá tốt” (mẹ bé L.G., 23 tháng tuổi, khả năng ngôn ngữ rất tốt).

“Chúng tôi đi làm cả ngày, tôi về phải tranh thủ dọn dẹp, cho các cháu ăn và dạy chị gái cháu học bài nên không có nhiều thời gian chơi với cháu. Hơn nữa, tôi thấy tuổi của các bé thì quan trọng nhất là cần được ăn no, ngủ kĩ chứ việc phát triển nhận thức và ngôn ngữ là chưa cần thiết” (mẹ bé Th.T., 21 tháng tuổi, chưa biết nói, khả năng hiểu lời nói kém).

“Mình và bố cháu đi làm cả ngày nên chỉ dành được vài tiếng buổi tối để chơi với cháu. Nhưng bé nhà mình có vẻ không hào hứng, không thích thú với những thứ xung quanh. Cháu không tập trung khi chơi và nói chuyện cũng không biết bắt chước hành động và nói theo người lớn. Mình cũng không biết phải dạy cháu như thế nào nữa” (mẹ bé N.Q., 21 tháng tuổi, chưa biết nói, khả năng hiểu lời nói kém).

4. Kết luận và hướng nghiên cứu tiếp theo

Phân tích thực trạng sự phát triển ngôn ngữ - giao tiếp của 185 trẻ em từ 1 đến 3 tuổi cho thấy, ngôn ngữ của trẻ giai đoạn 1 - 3 tuổi có sự phát triển mạnh cả về sự thông hiểu lời nói, cả về sự hình thành và phát triển ngôn ngữ nói. Ngôn ngữ nói của trẻ có sự phát triển về cả mặt từ vựng và ngữ pháp. Số lượng từ vựng của trẻ ngày càng phong phú. Câu của trẻ phát triển từ câu 1 từ đến câu 2 từ, 3 từ và đến câu đầy đủ cấu trúc ngữ pháp (với khoảng từ 6 - 7 từ trở lên). Khả năng diễn đạt của trẻ cũng ngày càng phong phú hơn với nhiều loại câu, không chỉ là câu miêu tả, trần thuật mà còn có câu hỏi, câu phủ định, câu so sánh, câu giải thích nguyên nhân - kết quả. Mặc dù phần lớn trẻ em có sự phát triển ngôn ngữ phù hợp với qui luật chung, nhưng mức độ phát triển ngôn ngữ của các em không đồng đều.

Bước đầu tìm hiểu môi trường ngôn ngữ ở gia đình và giáo dục của người lớn cho thấy, những trẻ có sự phát triển ngôn ngữ tốt thường được nói chuyện, giao tiếp với những người xung quanh, được người lớn trong gia đình thường xuyên chỉ dạy và kể chuyện cho nghe. Ngược lại, những đứa trẻ có sự phát triển ngôn ngữ chậm hơn thường được nuôi dưỡng trong một môi trường thụ động, ít được kích thích khám phá; ít được giao tiếp, đặc biệt là ít được giao tiếp với cha, mẹ. Điều này gợi ý cho việc tìm hiểu ảnh hưởng của môi trường ngôn ngữ và giáo dục của người lớn đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em từ 1 đến 3 tuổi trong những nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Hạc, *Tâm lý học Vygotski*, Tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.

2. Phạm Minh Hạc (Chủ biên), *Tuyển tập tâm lý học J. Piaget*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.
3. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (từ lọt lòng đến 6 tuổi)*, Hà Nội, 2003.
4. Penelope Leach, *Your baby and child from birth to age five*, Alfred A. Knopf, New York, 1989.
5. Burton L. White, *The first three years of life*, Prentice Hall Press, New York, 1990.